

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày 22-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Tạ và Nguyễn Đắc Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HS ngày 28-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp đối với các bị cáo:

Điều C, sinh năm 1982 tại tỉnh Đắc Nông; nơi cư trú: Bon D, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Nhạc công; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Điều G'L, sinh năm 1963 và bà B, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là L, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2021; nhân thân: Ngày 30-7-2006 bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đ khởi tố về tội "*Phá hoại chính sách đoàn kết*" theo Điều 87 Bộ luật hình sự năm 1999, đến ngày 05-02-2007 được Cơ quan an ninh điều tra đình chỉ điều tra theo khoản 1 Điều 25 của Bộ luật hình sự (miễn trách nhiệm hình sự); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-4-2020 – *Có mặt*.

Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện P, tỉnh Đắc Lắc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Th (đã chết) và bà H, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Thị H, sinh năm 1989 và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-5-2020 – *Có mặt*.

Mộc Thái H, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp A, xã lộ B, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thổ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: S, sinh năm

1961 và bà Thị N, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09-5-2020 đến ngày 15-5-2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*.

Trần Văn L, sinh năm 1974 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn C, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đ, sinh năm 1943 và bà M, sinh năm 1943; bị cáo có vợ là M, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Thùy Tr – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn , xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Lương Văn Th, sinh năm 1988 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện H, huyện T, tỉnh Gia Lai.

- Anh Mộc Hiếu H, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Ấp A, xã lộ B, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Vi Văn M, sinh năm 1961 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Ấp , xã R, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Điều M, sinh năm 1993 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Điều H, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

- Anh Y P, sinh năm 1995 – *Vắng mặt*

- Anh Điều H, sinh năm 1986 – *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Bon Đ, xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Điều L, sinh năm 1970 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn , xã T, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Trần Đình N, sinh năm 1986 – *Vắng mặt*

- Chị Trần Thị Lương O, sinh năm 1986 – *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Thôn , xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Chị Lê Thị L, sinh năm 1997 – *Vắng mặt*

- Chị Trần Thị C, sinh năm 1790 – *Vắng mặt*

- Chị Nguyễn Trần Thị L, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Bon B, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Hoàng Thanh Hoài, sinh năm 1988 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn S, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Vi Thị Ch, sinh năm 1973 – *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

-Anh Hoàng Trọng V, sinh năm 2000 – *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Thôn , xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.3. Người làm chứng: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1988 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là công nhân của công ty cổ phần sản xuất và thương mại Miền Q, tỉnh Đồng Nai, giữa tháng 3/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên công ty cho H nghỉ việc. Do đó, H có ý định là sau khi nghỉ việc ở công ty sẽ thuê xe ô tô để chạy dịch vụ, lúc này, H chưa có giấy phép lái xe ô tô nên nảy sinh ý định làm giả 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C để sử dụng. H sử dụng mạng internet tìm kiếm, sau đó truy cập vào 01 trang web có thông tin nhận làm giả các loại giấy tờ (không nhớ tên trang web) rồi liên hệ với trang web này đặt làm giả 01 giấy phép lái xe hạng C với giá 3.000.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, dịch vụ giao hàng Grap đến giao giấy phép lái xe cho H và nhận tiền. H sử dụng giấy phép lái xe này đi thuê xe ô tô để chạy dịch vụ, tuy nhiên, chủ xe phát hiện là giấy phép lái xe giả nên không cho H thuê.

Cũng trong thời gian này, bạn của H là Đỗ Văn H cho Hải 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC cũ (do H đổi giấy phép mới). Vì giấy phép lái xe giả lần trước bị phát hiện nên H nảy sinh ý định làm giả 01 giấy phép lái xe hạng FC có thông tin như trên giấy phép lái xe của H nhưng hình ảnh là của H. Do đó, H tiếp tục lên mạng internet truy cập vào trang web nhận làm giả các loại giấy tờ rồi bình luận với nội dung “cần làm bằng lái hạng FC” và để lại số điện thoại của mình là 0984 549 044 (số điện thoại này H đã đăng ký tài khoản Zalo với tên là “Bằng Lăng Tím”). Sau đó có tài khoản Zalo tên “Gia Cát Lượng” và tài khoản Zalo tên “Gia Bảo” (không xác định được người sử dụng) nhắn tin vào tài khoản Zalo Bằng Lăng Tím của H, hỏi H có làm giấy phép lái xe không thì H nói có. Sau khi trao đổi, H đặt người sử dụng tài khoản Gia Cát Lượng (gọi tắt là Gia Cát Lượng) làm giả cho H 01 giấy phép lái xe ô tô hạng FC với giá 1.000.000 đồng. H chụp thông tin trên giấy phép lái xe ô tô hạng FC của Đỗ Văn H và hình ảnh chân dung của mình gửi cho Gia Cát Lượng. Khoảng 02 ngày sau, H nhận được giấy phép lái xe thông qua dịch vụ giao hàng Grap. Sau đó, Gia Cát Lượng nhắn tin cho H, đề nghị H cộng tác làm giấy tờ giả, ăn chia lợi nhuận, nếu H tìm được từ 05 đơn trở lên thì giá tiền là 300.000 đồng/ giấy tờ giả, còn dưới 05 đơn thì giá tiền là 600.000 đồng/ giấy tờ giả. Nghe vậy thì H đồng ý.

Để tìm người có nhu cầu làm giấy tờ giả, H tạo 01 tài khoản Facebook với tên là “Lái Bằng”, rồi đăng tải thông tin nhận làm giả các loại giấy phép lái xe và chúng

minh nhân dân. Người nào có nhu cầu thì H yêu cầu kết bạn qua tài khoản Zalo của H (tên là Bằng Lăng Tím) để thỏa thuận giá, gửi thông tin cá nhân và ảnh chân dung cho H. Sau đó, H chuyển tiếp thông tin này đến Gia Cát Lượng để đặt làm. Khi Gia Cát Lượng làm xong thì chụp hình và gửi hình ảnh giấy tờ đã làm xong cho H xem, H sẽ chuyển tiền vào số tài khoản 1015 473 210 mở tại ngân hàng TMCP G – Hà Nội – chi nhánh Hà Đ (chủ thẻ là Hoàng Văn D). H sử dụng tài khoản ngân hàng của mình số 1321 0000 189 821 mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam G để chuyển tiền. Sau khi H chuyển tiền, Gia Cát Lượng thuê dịch vụ giao hàng Grap giao giấy tờ cho H, H nhận rồi gửi cho những người đã đặt qua đường bưu điện. Ngoài ra, H còn cộng tác với tài khoản Zalo tên Gia Bảo làm giả giấy tờ và chuyển tiền vào số tài khoản 1081 7017 mở tại ngân hàng TMCP Á C – chi nhánh T (chủ thẻ là Trần Thị Lương O).

Sau khi H đăng tải thông tin lên trang mạng Facebook thì Mộc Thái H (tài khoản Facebook là “Mộc H”) đọc được nên đã đặt H làm giả 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho em họ là Mộc Hiếu H với giá 1.000.000 đồng. H chuyển đơn hàng này đến Gia Cát Lượng làm với giá 600.000 đồng. Sau khi làm xong, H hẹn Hà đến vòng xoay An Phú tại thị xã A, tỉnh Bình Dương để giao hàng và nhận tiền. Sau đó, H nhắn tin qua Zalo rủ H làm chung với H, nhiệm vụ của H là đi gửi bưu phẩm và nhận tiền do bưu điện thu hộ. Mỗi bưu phẩm đi gửi, H trả cho H che dấu thông tin của mình, H đưa cho H 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu V (giấy chứng minh này có người đặt H làm nhưng không nhận) và nói H sử dụng để ghi thông tin người gửi. Sau đó, cứ mỗi lần cần gửi giấy tờ làm giả cho những người đã đặt làm, H cho các giấy tờ này vào trong 01 bì thư, ghi tên, địa chỉ của người nhận, dán kín lại rồi đưa cho H. H cầm số bì thư này đến Bưu cục Long Đ thuộc phường Tam Ph, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai và Bưu cục Viettel P thuộc khu phố An H, phường Hòa L, thị xã Bến C, tỉnh Bình Dương để gửi đi. Khi khách hàng thanh toán tiền, H tự trích phần được hưởng rồi gửi số tiền còn lại cho H qua ứng dụng Viettel pay.

Khoảng đầu tháng 3 năm 2020, Điều C nhìn thấy tài khoản Facebook tên “Tuấn” (không xác định được người sử dụng) có đăng tải thông tin nhận làm giả giấy phép lái xe nên C đặt T làm giả 01 giấy phép lái xe hạng A1 với giá 900.000 đồng để sử dụng. Khoảng 02 ngày sau, C đến bưu điện huyện Đ nhận hàng và thanh toán số tiền 900.000 đồng cho nhân viên bưu điện. Sau khi nhận được giấy phép lái xe, C thấy giấy phép lái xe giả được làm giống như thật nên nảy sinh ý định làm giả giấy phép lái xe cho người khác để kiếm lời. Do đó, C nhắn tin trên Zalo trao đổi với T về việc làm giả giấy phép lái xe cho người khác, T đồng ý làm với giá 900.000 đồng đổi với mỗi giấy phép lái xe giả và yêu cầu C gửi thông tin cá nhân và hình ảnh của những người có nhu cầu làm giả giấy tờ quan tin nhắn Zalo cho T. Sau đó, C đăng tải thông

tin lên tài khoản Facebook của C tên là “Và Em Muốn Gì” với nội dung: “Anh chị em có nhu cầu làm bằng lái A1 thì liên hệ số điện thoại 0901 902 551 để được tư vấn rõ hơn, có làm dịch vụ” (nghĩa là nhận làm giấy phép lái xe mô tô không qua sát hạch). Khi có người hỏi thì C báo giá từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với mỗi giấy phép lái xe.

Sau khi C đăng tải thông tin thì có 06 người đã đặt C làm giấy phép lái xe hạng A1 gồm: Anh Trần Đình N, anh Vi Văn M, anh Điều M, anh Điều H, anh Y P và anh Điều H. C thu của anh N, anh M, anh M mỗi người 1.300.000 đồng, thu của anh H, anh P và anh H mỗi người 1.500.000 đồng và đã giao giấy phép lái xe. Sau khi trả tiền công cho T, C thu lợi của những người này số tiền 3.000.000 đồng.

Sau đó, C đọc được thông tin làm giả giấy phép lái xe do H đăng tải trên trang mạng xã hội Facebook nên C kết bạn Zalo với H. Qua nhắn tin trao đổi, C thấy H làm rẻ hơn so với T nên C chuyển sang đặt H làm. Việc trao đổi, liên lạc giữa C và H đều thực hiện qua tin nhắn Zalo. Sau đó, C đã đặt H làm giả 06 giấy phép lái xe cho những người sau: Anh Lương Văn T, chị Nguyễn Thị Thùy Tr, chị Trần Thị Lương O, anh Điều L, chị Trần Thị C và chị Nguyễn Trần Thị L. Đối với 06 giấy phép lái xe này, H gửi về cho C 02 lần, các lần gửi đều bỏ vào bì thư, dán kín lại, ghi tên người nhận là Lương Văn T theo yêu cầu của C rồi đưa cho H đi gửi. C thu của anh T, chị Tr, chị O, chị L và chị C mỗi người 1.300.000 đồng, thu của anh Điều L 1.000.000 đồng. C đã giao giấy phép lái xe cho anh T và chị Tr, chưa giao cho chị O, chị L và chị C. C trả cho H số tiền 4.200.000 đồng, hưởng lợi số tiền 3.300.000 đồng. H trả cho Gia Cát Lượng 2.400.000 đồng, trả cho H số tiền 200.000 đồng nên H hưởng lợi 1.800.000 đồng.

Ngày 12-4-2020, C nhắn tin nói H làm giả cho C 01 chứng minh Công an nhân dân để sử dụng. Ý định của C là khi cần thiết, sẽ đưa chứng minh Công an nhân dân cho người dân xem, làm cho họ tin tưởng và nhờ C tư vấn, viết đơn thư gửi đến cơ quan nhà nước để đòi quyền lợi, còn C sẽ hưởng thù lao. H nói không làm được nên C liên lạc với T thì T đồng ý. Sau khi làm xong, T chụp hình ảnh giấy chứng minh Công an nhân dân gửi cho C qua tin nhắn Zalo. C kiểm tra thì phát hiện hình ảnh của C mang quân hàm cấp tá nhưng ghi thông tin cấp bậc là “thượng úy” nên C không nhận. Sau đó, C sử dụng hình ảnh chứng minh công an giả do T gửi mang đến tiệm photocopy do Trần Văn L làm chủ tại thôn , xã W, huyện Đ để chỉnh sửa lại thông tin và in ra. Tại đây, C sử dụng ứng dụng Messenger tên “Và Em Muốn Gì” gửi hình ảnh vào tài khoản Messenger của L với tên “Trần Xuân L”. L tải hình ảnh về máy tính để in thì C yêu cầu L chỉnh sửa câu vai từ “thiếu tá” thành “thượng úy” và chỉnh sửa dòng chữ chức vụ từ “Thượng úy” thành “sỹ quan nghiệp vụ”. Sau đó L in màu thành 02 bản, ép nhựa plastic đưa cho C và lấy 30.000 đồng tiền công.

Khoảng 16h15 ngày 15-4-2020, C đến bưu điện huyện Đ nhận bưu phẩm là giấy phép lái xe giả mang tên Điều L do H gửi về thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt quả tang. Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Mộc Thái H tự đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú.

Tại cơ quan điều tra, Điều C, Nguyễn Văn H, Mộc Thái H và Trần Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Thu giữ của Điều C: 01 bì thư và 01 phiếu gửi của dịch vụ chuyển phát nhanh EMS, bên ngoài có tên người gửi là Trần Hữu V, người nhận là Lương Văn T; bên trong có 01 bì thư, tên người nhận trên bì thư là Lương Văn T, bên trong bì thư có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Điều L; 02 Giấy chứng minh Công an nhân dân số 516-875 mang tên Điều C, đơn vị PA02 Công an tỉnh Đắk Nông, cấp ngày 09-10-2016; 05 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên: Điều C, Điều M, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trần Thị L, Trần Thị C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7.

Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn H; 01 Giấy phép lái xe hạng FC số: 790115239445 mang tên Đỗ Văn H, sinh ngày 01-05-1988, nơi cư trú: xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; 01 Giấy phép lái xe hạng C số 660196798500 mang tên Nguyễn Văn H; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 241 128 470 mang tên Nguyễn Văn H; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số: 790176048758 mang tên Nguyễn Văn H.

Thu giữ của Mộc Thái H: 15 biên lai Phiếu gửi của Viettel P, người gửi: Trần Hữu V, số điện thoại: 0984 549 044, người nhận tại nhiều địa phương khác nhau: Cần Thơ, Tây Ninh, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Sơn La, Thái Bình, Bắc Giang; 01 bì thư Viettel p, bên ngoài ghi thông tin người gửi: Trần Hữu V, số điện thoại 0984 549 044, người nhận: Vũ Văn D, bên trong có 01 bì thư, tên người nhận trên bì thư là Vũ Văn D, bên trong bì thư có 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn D; 01 bì thư Viettel p, bên ngoài ghi thông tin người gửi: Trần Hữu V, số điện thoại 0984 549 044, người nhận: Hoàng Văn C, bên trong có 01 bì thư, tên người nhận trên bì thư là Hoàng Văn C, bên trong bì thư có 01 Chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn C; 01 Giấy phép lái xe số: AN 576554 mang tên Mộc Thái H.

Thu giữ của những người đã đặt C làm giấy phép lái xe: 01 giấy phép lái xe số 6401 9617 8427 mang tên Lương Văn T; 01 giấy phép lái xe số 6401 9324 8372 mang tên Vi Văn M; 01 giấy phép lái xe số 6711 9100 0322 mang tên Nguyễn Thị Thùy Tr; 01 giấy phép lái xe số 6701 9905 8372 mang tên Trần Đình N; 01 giấy phép lái xe số 6701 9605 8372 mang tên Điều M; 01 giấy phép lái xe số 6701 9246 5240 mang tên Điều H; 01 giấy phép lái xe số 6701 9248 5362 mang tên Y P; 01 giấy phép lái xe số 6701 9246 5268 mang tên Điều H.

Thu giữ của Trần Văn L: 01 bộ máy tính để bàn có màn hình nhãn hiệu Samsung, CPU nhãn hiệu CMS; 01 máy in màu nhãn hiệu Epson Stylis Ploto T60.

Kết luận giám định số 57/GĐTL-PC09 ngày 24-4-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: 02 Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Điều C (ký hiệu A1; A2) và các giấy phép lái xe mô tô mang tên Trần Thị C, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trần Thị L, Điều M, Điều C, Điều L, Điều H, Y P, Điều H, Nguyễn Thị Thùy Tr, Trần Đình N, Vi Văn M, Lương Văn T (ký hiệu A3 đến A16) gửi đến giám định không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Kết luận giám định số 88/GĐTL-PC09 ngày 15-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Các giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mộc Thái H và Nguyễn Văn H (ký hiệu A1 và A2) là do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; Giấy phép lái xe hạng FC số: 790115239445 mang tên Đỗ Văn H và giấy phép lái xe hạng C số 660196798500 mang tên Nguyễn Văn H (ký hiệu A3 và A4) không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; 02 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn D và Hoàng Văn C (ký hiệu A5 và A6) không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Kết luận giám định số 153/GĐTL-PC09 ngày 07/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết trên các phiếu gửi EMS có tên người gửi là Trần Hữu V, người nhận là Lương Văn T (ký hiệu là A1, A2) so với chữ viết của Mộc Thái H là do cùng một người viết ra; Chữ viết trên 01 bì thư có tên người nhận là Lương Văn T (ký hiệu A3) so với chữ viết của Nguyễn Văn H là do cùng một người viết ra.

Kết luận giám định số 87/GĐTL-PC09 ngày 28/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết trên các phiếu gửi của Viettel P (ký hiệu là A1 đến A17) so với chữ viết của Mộc Thái H là do cùng một người viết ra; Chữ viết trên 02 bì thư có tên người nhận là Hoàng Văn C và Vũ Văn D (ký hiệu A18, A19) so với chữ viết của Nguyễn Văn H là do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 09-10-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định truy tố bị cáo Điều C và Nguyễn Văn H về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Mộc Thái H về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn L về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Điều C và Nguyễn Văn H về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Mộc Thái H về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn L về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Điều C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mộc Thái H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Đ trả 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mộc Thái H, là các giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 (của Điều C), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50 (của Nguyễn Văn H), 01 bộ máy tính để bàn và 01 máy in màu (của Trần Văn L), là tài sản của các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với các bì thư, phiếu gửi bưu điện, các giấy phép lái xe, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng minh nhân dân đã được xác định là giấy tờ không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hành nên lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Văn H, là công cụ dùng vào việc phạm tội nên lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Tịch thu sung công quỹ tiền thu lợi bất chính do Điều C tự nguyện nộp với số tiền 6.300.000đồng và Trần Văn L tự nguyện nộp với số tiền 30.000đồng.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể: Truy thu của Nguyễn Văn H số tiền 2.000.000đồng và của Mộc Thái H 200.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Khoảng tháng 3 năm 2020, Nguyễn Văn H, Điều C và Mộc Thái H thấy trên mạng xã hội Facebook có đăng tải thông tin nhận làm giả các loại giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân, do đó H đã đặt làm giả 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 giấy phép lái xe hạng FC để sử dụng, C đặt làm giả 01 giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng và Hà đặt làm giả 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho em họ là Mộc Hiếu H để sử dụng. Sau đó, để kiểm lời thông qua việc làm giấy tờ giả, H và C đã đăng tải thông tin nhận làm giả các loại giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân lên trang mạng xã hội Facebook. Khi có người đặt làm giấy tờ giả thì H và C gửi thông tin của người yêu cầu đến các đối tượng chuyên làm giả giấy tờ do H và C liên hệ trước đó (không xác định được nhân thân, lai lịch) để đặt làm rồi hưởng tiền chênh lệch. Sau đó, H đã nhận làm giả 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho Mộc Thái H, 06 giấy phép lái xe hạng A1 cho C và làm giả 03 chứng minh nhân dân mang tên: Trần Hữu V, Vũ Văn D và Hoàng Văn C. Điều C ngoài đặt H làm giả 06 giấy phép lái xe hạng A1, còn đặt 01 đối tượng tên T (không xác minh được nhân thân, lai lịch) làm giả 06 giấy phép lái xe hạng A1. Mộc Thái H ngoài việc đặt H làm giả 01 giấy phép lái xe hạng A1 còn 02 lần giúp H gửi các giấy tờ giả cho Điều C để hưởng tiền công. Tổng số tiền thu lợi bất chính đã xác định như sau: Điều C thu lợi tổng số tiền 12.500.000đồng; Nguyễn Văn H thu lợi 5.000.000đồng; Mộc Thái H thu lợi 200.000đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo Điều C, Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự; bị cáo Mộc Thái H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn L về tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là làm từ 02 đến 05 tài liệu là chưa phù hợp với hành vi của bị cáo thực hiện, bởi lẽ: Ngày 12-4-2020, Điều C chuyển hình ảnh chụp 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả sang máy tính tiêm photocopy của Trần Văn L, thuê L chỉnh sửa thông tin rồi thực hiện lệnh in màu một lần ra thành 02 bản chứng minh công an nhân dân giả mang tên Điều C. Thu lợi bất chính với số tiền 30.000đồng. Hành vi của bị cáo L xảy ra về mặt thời gian và in ra 02 bản không có gì khác nhau, hành vi đó cùng một mục đích chung, thống nhất, cùng xâm hại tới một khách thể, như vậy hành vi của bị cáo L chỉ phạm tội một lần. Vì vậy, hành vi của bị cáo L chỉ thỏa mãn dấu hiệu của tội *“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) ...;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên;

[3]. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và điều khiển được hành vi của mình. Xét hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến hoạt động chuyên môn, quản lý Nhà nước mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; xâm phạm tới lợi ích Nhà nước; gây mất trật tự an toàn xã hội. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ các bị cáo gây ra có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ý thức chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm có tính chất đồng phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phân hóa tính chất, mức độ, hành vi của từng bị cáo để lượng hình cho phù hợp. Xét thấy trong vụ án này bị cáo C, H là người khởi sướng đăng thông tin nhận làm giả các loại giấy tờ giả trên mạng xã hội. Sau khi có người đặt làm giấy tờ giả các bị cáo chuyển thông tin tới đối tượng chuyên làm giả giấy tờ liên hệ trước đó để đặt làm rồi hưởng tiền chênh lệch. Bị cáo H, L là người giữ vai trò giúp sức, khi được bị cáo H nhờ đi gửi giấy tờ giả để hưởng tiền công thì bị cáo H đã đồng ý; bị cáo L được bị cáo Điều C thuê chỉnh sửa thông tin và in màu ra thành 02 bản chứng minh công an nhân dân giả mang tên Điều C để thu lợi bất chính với số tiền 30.000đồng.

[4]. *Tình tiết định khung hình phạt*: Bị cáo Điều C và Nguyễn Văn H đã đặt làm giả trên 06 nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Mộc Thái H đặt bị cáo H làm giả 01 giấy phép lái xe, mặc khác 02 lần giúp bị cáo H gửi các giấy tờ giả cho bị cáo Điều C để hưởng tiền công do vậy bị cáo H phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[5]. *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Điều C và Nguyễn Văn H phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H và H đã tự đến Công an tự thú và khai ra những lần phạm tội, bị cáo C ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang còn đã tự khai ra những lần phạm tội trước đó nên các bị cáo C, H và H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng năm 1997 được Trung đoàn 584 tặng bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Điều C và bị cáo L đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính vào ngân sách Nhà nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo Điều C, Nguyễn Văn H mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác. Cách ly các bị cáo C, H và H ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được mục đích của hình phạt.

[6]. Bị cáo Mộc Thái H có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hành vi cũng chưa gây thiệt hại cho người khác, phạm tội với vai trò giúp sức. Từ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mộc Thái

H hình phạt tù nhưng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, cũng đảm bảo được mục đích của hình phạt; Đối với bị cáo Trần Văn L trong vụ án này đồng phạm với vai trò giúp sức, thứ yếu, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng năm 1997 được Trung đoàn 584 tặng bằng khen, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 30.000đồng cho Thi hành án dân sự huyện Đ để sung ngân sách Nhà nước, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i điểm s điểm v khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó không cần phải cách ly bị cáo L ra ngoài xã hội mà xử hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không yêu cầu bồi thường gì, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ lập biên bản trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Mộc Thái H, là các giấy tờ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp và không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả cho các bị cáo Nguyễn Văn H và Mộc Thái H là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của Điều C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50 của Nguyễn Văn H; 01 bộ máy tính để bàn và 01 máy in màu của Trần Văn L, là tài sản của các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Xét các bì thư, phiếu gửi bưu điện, các giấy phép lái xe, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng minh nhân dân đã được xác định là giấy tờ không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hành nên lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Xét 01 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Văn H, là công cụ dùng vào việc phạm tội nên lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

Truy thu của Điều C số tiền 12.500.000đồng để sung công quỹ Nhà nước khấu trừ vào số tiền 6.300.000đồng Điều C đã nộp theo biên lai số 005373 ngày 27-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị cáo Điều C còn phải nộp số tiền 6.200.000đồng.

Truy thu của Nguyễn Văn H số tiền 5.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước

Truy thu của Mộc Thái H 200.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của Nguyễn Văn L số tiền 30.000đồng để sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 30.000đồng Trần Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001916 ngày 21-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[8]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo Điều C, Nguyễn Văn H, Mộc Thái H và về xử lý vật chứng là có căn cứ cần chấp nhận. Tuy nhiên, Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù là chưa phù hợp với hành vi của bị cáo thực hiện, bởi lẽ: Ngày 12-4-2020, Điều C chuyển hình ảnh chụp 01 giấy chứng minh Công an nhân dân giả sang máy tính tiệm photocopy của Trần Văn L, thuê L chỉnh sửa thông tin rồi thực hiện lệnh in màu một lần ra thành 02 bản chứng minh công an nhân dân giả mang tên Điều C. Thu lợi bất chính với số tiền 30.000đồng. Hành vi của bị cáo L xảy ra về mặt thời gian và in ra 02 bản không có gì khác nhau, hành vi đó cùng một mục đích chung, thống nhất, cùng xâm hại tới một khách thể, như vậy hành vi của bị cáo L chỉ phạm tội một lần, hành vi của bị cáo L chỉ thỏa mãn dấu hiệu của tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị cũng đảm bảo được mục đích hình phạt.

Đối với số tiền truy thu của bị cáo C và bị cáo H, Viện kiểm sát đề nghị truy thu của bị cáo C là 6.300.000đồng và của bị cáo H là 2.000.000đồng là không phù hợp, bởi lẽ tổng số tiền bị cáo C lấy của những người đặt bị cáo làm giấy tờ giả là 12.500.000đồng và bị cáo H lấy của những người đặt 5.200.000đồng H đã trả tiền công cho H là 200.000đồng nên H còn số tiền là 5.000.000đồng. Viện kiểm sát và các bị cáo cho rằng đã chuyển tiền cho người trực tiếp làm giấy tờ giả còn các bị cáo chỉ hưởng số tiền chênh lệch, cụ thể là bị cáo C hưởng số tiền là 6.300.000đồng và bị cáo H là 2.000.000đồng nhưng không có gì chứng minh là đã chuyển tiền cho người khác. Do đó cần phải truy thu bị cáo C số tiền 12.500.000đồng và bị cáo H số tiền là 5.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[9]. Ngoài các giấy tờ giả đã thu giữ như trên, Nguyễn Văn H khai nhận đã làm giả nhiều giấy phép lái xe và giấy chứng minh nhân dân cho nhiều người khác, cơ quan điều tra đã xác minh tại các địa chỉ nhưng không có thông tin, do đó, cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý.

[10]. Đối với anh Mộc Hiếu H, anh Lương Văn T, anh Vi Văn M, anh Điều M, anh Điều H, anh Y P, anh Điều H, anh Điều L, chị Nguyễn Thị Thùy Tr, anh Trần Đình N, chị Trần Thị Lương O, chị Nguyễn Trần Thị L và chị Trần Thị C, là những người đã đặt làm giả giấy phép lái xe hạng A1 để sử dụng. Tuy nhiên những người này chưa sử dụng các giấy phép lái xe này và khi đặt làm giấy tờ thì cũng không biết đây là giấy tờ giả, Tòa án cũng đã trả hồ sơ để làm rõ hành vi của những người đặt làm giấy tờ giả và hành vi sử dụng nhưng sau khi xác minh, làm rõ thì không có căn cứ để xử lý.

Ngoài hành vi làm giả giấy tờ cho người khác, Điều C còn thuê người khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả cho mình 01 giấy phép lái xe hạng A1 và thuê bị cáo Trần Văn L làm giả 02 giấy chứng minh Công an nhân dân; Nguyễn Văn H thuê người khác (không xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả cho mình 01 giấy phép lái xe hạng C và 01 giấy phép lái xe hạng FC để sử dụng. Tuy nhiên C và H chưa sử dụng các giấy tờ giả nêu trên nên không xử lý về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[11]. Đối với những người sử dụng tài khoản Zalo tên “Tuấn”, “Gia Cát Lượng” và “Gia Bảo”, hiện nay đã xóa tài khoản nên cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

Đối Hoàng Văn D, là người sử dụng tài khoản số 1015473210 mở tại ngân hàng TMCP G – Hà Nội và Trần Thị Kiều O, là người sử dụng tài khoản số 10817017 mở tại ngân hàng TMCP Á Ch, hiện những người này không có mặt tại nơi cư trú, do đó, cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, khi nào xác minh được sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với 02 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn C (sinh năm 1985, trú tại: xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang) và Vũ Văn D (sinh năm 1990, trú tại: xã T, huyện N, tỉnh Nam Định), cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không có thông tin như trong phiếu gửi. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

[12]. *Về án phí*: Các bị cáo Điều C, Nguyễn Văn H, Mộc Thái H, Trần Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Điều C, Nguyễn Văn H, Mộc Thái H và Trần Văn L phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Điều C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-4-2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-5-2020.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Mộc Thái H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 09-5-2020 đến ngày 15-5-2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn L cho UBND xã W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã W trong việc giám sát giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 cho Mộc Thái H.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của Điều C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Starlight M06 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50 của Nguyễn Văn H; 01 bộ máy tính để bàn và 01 máy in màu của Nguyễn Văn L.

Tiếp tục truy thu của Điều C số tiền 6.200.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Truy thu của Nguyễn Văn H số tiền 5.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước

Truy thu của Mộc Thái H 200.000đồng để sung vào Ngân Sách Nhà nước.

Truy thu của Trần Văn L số tiền 30.000đồng để sung công quỹ Nhà nước được khấu trừ vào số tiền 30.000đồng Trần Văn L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001916 ngày 21-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án các bì thư, phiếu gửi bưu điện, các giấy phép lái xe, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng minh nhân dân đã được xác định là giấy tờ không phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hành; 01 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Văn H.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Điều C, Nguyễn Văn H, Trần Văn L và Mộc Thái H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk N;
- VKSND tỉnh Đắk N;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk N;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài